

(Mẫu số 02/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
TTYT HUYỆN H.CHƯPRÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 733/QĐ-TTYT

Chư Prông, ngày 31 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-SYT ngày 30/12/2023 của Sở Y tế Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

Xét đề nghị của phòng Kế hoạch-Tài chính trung tâm Y tế Huyện Chư Prông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi NSNN năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Chư Prông (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Kế hoạch – Tài chính, Tổ chức – Hành chính và các Khoa (Phòng) bộ phận có liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

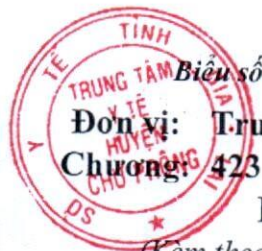
Nơi nhận:

- Sở Y tế Gia Lai;
- Các Khoa(phòng) bộ phận trực thuộc;
- Lưu :VT, KH.

GIÁM ĐỐC



Bs.Lê Văn Trì



Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trung tâm Y tế Huyện Chư Prông

Chương: 423

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 733 /QĐ-TTYT ngày 31/12/2023 của trung tâm y tế huyện Chư Prông)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	8.845
1.1	Lệ phí	8.845
	Viện phí	850
	Bảo hiểm Y tế	7.995
	Khác	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	8.845
2.1	Chi sự nghiệp Y tế.	8.845
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.845
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	28.654
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	28.654
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	23.844
1.1.1	Hệ điều trị	3.324
1.1.2	Hệ dự phòng	2.998
1.1.3	Y tế xã	14.565
1.1.4	Dân số	2.957
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.810
1.2.1	Hệ điều trị	1.318
1.2.2	Hệ dự phòng	
1.2.3	Y tế xã	2.375
1.2.4	Dân số	1.117
1.3	Kinh phí nhiệm vụ CCTL	-
1.3.1	Hệ điều trị	
1.3.2	Hệ dự phòng	
1.3.3	Y tế xã	
1.3.4	Dân số	